

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2025/HC-PT

Ngày: 28/5/2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực vi phạm hành
chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Bà Phan Thị Vân Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**
Ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 120/2025/TLPT-HC ngày 03 tháng 03 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực vi phạm hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 27/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1336/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: **Văn phòng C1**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Văn C** - Chức vụ: Trưởng văn phòng. Địa chỉ: **Số A T, quận N, thành phố Đà Nẵng**, có mặt.

- Người bị kiện:

1. Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng.

2. Chánh Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Khuất Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Phạm Thị Phương T1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

3. Bà Phan Thị Diệp V, sinh năm 1996. Địa chỉ: Phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người bị kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Văn phòng C1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Yêu cầu HĐXX tuyên hủy:

+ Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị kiện số 07/QĐ-XPHC ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Chánh thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng về xử phạt hành chính đối với Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng (Quyết định XPVPHC số 07).

+ Hủy Quyết định số 15 QĐ-STP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn C, Trưởng Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng (lần hai).

Lý do:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị kiện số 07/QĐ-XPHC ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Chánh thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng về xử phạt hành chính đối với Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng trái pháp luật.

Quyết định số 15/QĐ-STP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn C, Trưởng Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng (lần hai) có nội dung giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn C, Trưởng Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng có nội dung:

“Công nhận và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (Quyết định số 28/QĐ-TTR ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn C, Trưởng Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng) là đúng”. Quyết định của Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng “Công nhận và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu Quyết định số 28/QĐ-TTR ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn C, Trưởng Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng là đúng và

yêu cầu ông **Phan Văn C** người đại diện theo pháp luật, Trưởng **văn phòng C1** thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023” là không đúng quy định trái pháp luật.

* Người bị kiện Chánh Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng trình bày:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định XPVPHC số 07, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng có ý kiến như sau:

Ngày 03/8/2023, Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng nhận được đơn phản ánh ghi ngày 02/8/2023 của bà **K Hoàng Thị Thanh T** phản ánh việc **Văn phòng C1**, thu phí công chứng sai quy định.

Sau khi tiếp nhận thông tin phản ánh của công dân, Sở Tư pháp đã tiến hành xác minh, làm rõ thông tin phản ánh. Trên cơ sở kết quả làm việc với người phản ánh, đại diện VPCC **Phan Văn C** (ông **Phan Văn C** – Công chứng viên, Trưởng Văn phòng), các hồ sơ, tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và căn cứ quy định pháp luật liên quan, nhận thấy VPCC **Phan Văn C** thu thù lao công chứng không đúng quy định, ngày 31/8/2023, đại diện Phòng Bổ trợ tư pháp, Sở Tư pháp đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC đối với VPCC **Phan Văn C** về hành vi “Thu thù lao công chứng cao hơn mức trần do UBND cấp tỉnh ban hành” và chuyển hồ sơ đến Chánh Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng để xem xét, quyết định việc xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 31/8/2023, hồ sơ tài liệu chứng cứ liên quan, nhận thấy: VPCC **Phan Văn C** có hành vi: thu thù lao công chứng cao hơn mức trần do UBND cấp tỉnh ban hành, ngày 08/9/2023, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với VPCC **Phan Văn C**.

Về cơ sở pháp lý ban hành Quyết định số 07/QĐ-XPHC

Kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ công chứng

Theo Báo cáo số 123/CV ngày 12/8/2023 của VPCC **Phan Văn C** và hồ sơ VPCC cung cấp: Ngày 01/8/2023, công chứng viên **Phan Văn C** thực hiện công chứng Văn bản từ chối di sản của bà **Khuất Hoàng Thị Thanh T**, số công chứng: 000339, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Văn phòng thu số tiền: 1.000.000 đồng (một triệu đồng), chứng từ gồm:

Phiếu thu (có đóng dấu giáp lai của VPCC **Phan Văn C**) lập ngày 01/8/2023, lý do nộp: “Văn bản từ chối nhận di sản và phí hướng dẫn tư vấn”, số tiền: 1.000.000 đồng.

Hóa đơn bán hàng số 00002842 ngày 01/8/2023, có nội dung: “phí công chứng Văn bản từ chối nhận di sản 339 là 20.000 đồng; Phí thù lao công chứng văn bản từ chối nhận di sản 339 là 100.000 đồng”.

Kết quả xác minh, làm việc với ông **Phan Văn C**.

Qua các buổi làm việc ngày 24/8/2023 và 31/8/2023 ông **Phan Văn C** có ý kiến như sau:

Bà Khuất **Hoàng Thị Thanh T** đến VPCC để hỏi về nhiều vấn đề khác nhau và được chuyên viên của **V** hướng dẫn, giải đáp. “VPCC đã thỏa thuận với bà **T** về chi phí tư vấn, hướng dẫn chuẩn bị giấy tờ và làm hồ sơ (gồm: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chi phí: 500.000 đồng/Giấy chứng nhận) với số tiền tổng cộng là 1.000.000 đồng. Văn phòng thu chi phí tư vấn trên tương tự như chi phí tư vấn pháp luật của luật sư”.

- Ông **C** khẳng định: việc thu phí 1.000.000 đồng là “thu nguyên một gói chi phí là 1.000.000 đồng bao gồm phí công chứng, đánh máy văn bản, phô tô hồ sơ ... không bóc tách từng loại chi phí. Việc ghi hóa đơn bán hàng do nhân viên thực hiện không đúng với cách làm việc của tôi”.

Kết quả làm việc với bà **Khuất Hoàng Thị Thanh T**

Theo kết quả làm việc được ghi nhận tại Biên bản làm việc ngày 23/8/2023, bà **T** cung cấp thông tin như sau:

Sáng ngày 01/8/2023, bà **T** có đến VPCC **Phan Văn C** để thực hiện thủ tục từ chối nhận di sản thừa kế liên quan đến 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ **Khuất Văn M**. VPCC có thực hiện các dịch vụ: Soạn thảo văn bản từ chối nhận di sản thừa kế; công chứng văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, photo các giấy tờ kèm theo.

Về nội dung thỏa thuận về chi phí với VPCC: Bà **T** khẳng định không thỏa thuận thực hiện gói tư vấn, hướng dẫn chuẩn bị giấy tờ và làm toàn bộ hồ sơ với VPCC **Phan Văn C**, chỉ thực hiện thủ tục công chứng văn bản từ chối nhận di sản thừa kế.

Chiều ngày 01/8/2023, bà **T** quay trở lại VPCC **Phan Văn C** làm việc trực tiếp với công chứng viên **Phan Văn C** và được công chứng viên **Phan Văn C** thông báo số tiền phải nộp là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và giải thích 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mỗi Giấy là 500.000 đồng. Khi đó, do không có mang đủ tiền mặt nên bà **T** đã chuyển khoản vào số tài khoản của ông **Phan Văn C**, số tiền chuyển khoản là 1.000.000 đồng, sau đó VPCC **Phan Văn C** có đưa cho

bà T 01 Phiếu thu ghi lý do thu: “Văn bản từ chối nhận di sản”, “số tiền: 1.000.000 đồng”.

Bà T đã cung cấp phiếu thu và các giấy tờ liên quan cho Sở Tư pháp (phiếu thu này ghi nội dung khác với phiếu thu do VPCC cung cấp).

Kết luận của Thanh tra Sở

Các khoản thu mà tổ chức hành nghề công chứng được thu trong quá trình công chứng hợp đồng, giao dịch

Khoản 2 Điều 32 Luật Công chứng quy định tổ chức hành nghề công chứng có quyền: “Thu phí công chứng, thù lao công chứng, chi phí khác”.

Điều 66 Luật Công chứng quy định: “1. Phí công chứng bao gồm phí công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch, phí lưu giữ di chúc, phí cấp bản sao văn bản công chứng. Người yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch, lưu giữ di chúc, cấp bản sao văn bản công chứng phải nộp phí công chứng. 2. Mức thu, chế độ thu, nộp, sử dụng và quản lý phí công chứng được thực hiện theo quy định của pháp luật”.

Như vậy, căn cứ các quy định trên, khi công chứng hợp đồng, giao dịch, cụ thể là công chứng Văn bản từ chối nhận di sản, VPCC Phan Văn C chỉ được thu 03 khoản thu sau: phí công chứng, thù lao công chứng và chi phí khác, cụ thể:

Phí công chứng:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ T2 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên thì: phí công chứng văn bản từ chối nhận di sản là 20.000 đồng/trường hợp.

Thù lao công chứng:

Theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND của UBND thành phố ban hành mức trần thù lao công chứng, chi phí khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì:

Mức trần thù lao công chứng đối với dịch vụ soạn thảo, đánh máy, in văn bản đối với các hợp đồng, giao dịch có tính chất đơn giản (không quá 2 trang văn bản) là 60.000 đồng/hồ sơ; Đối với các hợp đồng, giao dịch có tính chất phức tạp (từ 3 trang văn bản trở lên) là 100.000 đồng/hồ sơ. Văn bản từ chối nhận di sản

của bà **T** chỉ có 01 trang, do đó, thuộc trường hợp mức thu không quá 60.000 đồng.

Mức trần chi phí sao chụp văn bản (trang A4) là: 500 đồng/trang. Hồ sơ của bà **T** sao chụp căn cước công dân (02 trang), Giấy chứng tử (01 trang), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R437569 (06 trang), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 218675 (04 trang), thông báo số định danh (01 trang). Tổng cộng 14 trang x 500 đồng/trang = 7.000 đồng.

Như vậy, tổng thù lao công chứng cho việc soạn thảo, sao chụp hồ sơ công chứng số 339 của bà **K Hoàng Thị Thanh T** là 67.000 đồng.

Chi phí khác:

Điều 68 Luật Công chứng quy định về chi phí khác như sau: “1. Trường hợp người yêu cầu công chứng đề nghị xác minh, giám định hoặc thực hiện công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng thì người yêu cầu công chứng phải trả chi phí để thực hiện việc đó.

Mức chi phí do người yêu cầu công chứng và tổ chức hành nghề công chứng thỏa thuận. Tổ chức hành nghề công chứng không được thu chi phí cao hơn mức chi phí đã thỏa thuận.

Tổ chức hành nghề công chứng phải niêm yết rõ nguyên tắc tính chi phí khác và có trách nhiệm giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng về các chi phí cụ thể đó”.

Theo quy định trên, tổ chức hành nghề công chứng chỉ được thu chi phí khác khi người yêu cầu công chứng đề nghị xác minh, giám định, công chứng ngoài trụ sở. Khi công chứng Văn bản từ chối nhận di sản, bà **Khuất Hoàng Thị Thanh T** không đề nghị công chứng viên xác minh, giám định hoặc công chứng ngoài trụ sở, do đó, không phát sinh khoản thu chi phí khác.

Từ phân tích tại mục a.1, a.2, a.3, tổng các khoản thu mà VPCC **Phan Văn C** được phép thu theo quy định pháp luật là:

Tổng số tiền thu = 20.000 đồng (phí công chứng) + 67.000 (thù lao công chứng) = 87.000 đồng

Đối với ý kiến của ông **Phan Văn C** cho rằng Văn phòng thu chi phí tư vấn trên tương tự như chi phí tư vấn pháp luật của luật sư:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 17 Luật Công chứng, công chứng viên có nghĩa vụ: “Giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng;

trường hợp từ chối yêu cầu công chứng thì phải giải thích rõ lý do cho người yêu cầu công chứng;

Khoản 4 Điều 40 Luật Công chứng quy định: “Công chứng viên hướng dẫn người yêu cầu công chứng tuân thủ đúng các quy định về thủ tục công chứng và các quy định pháp luật có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, giao dịch; giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc tham gia hợp đồng, giao dịch”.

Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng quy định: “3. Công chứng viên có nghĩa vụ giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ về quyền, nghĩa vụ, hậu quả pháp lý phát sinh của hợp đồng, giao dịch được yêu cầu công chứng; giải đáp một cách rõ ràng những thắc mắc của người yêu cầu công chứng nhằm đảm bảo cho hợp đồng, giao dịch đúng với ý chí của các bên giao kết hợp đồng, giao dịch; đảm bảo các bên có nhận thức đúng về pháp luật có liên quan và giá trị pháp lý của văn bản công chứng trước khi công chứng viên công chứng”.

Như vậy, việc tư vấn, hướng dẫn, giải thích việc công chứng cho người yêu cầu công chứng là trách nhiệm và nghĩa vụ của công chứng viên hành nghề. Vì vậy, ông **Phan Văn C** cho rằng Văn phòng thu chi phí tư vấn trên tương tự như chi phí tư vấn pháp luật của luật sư là không đúng quy định.

Về xác định hành vi vi phạm:

Đối với mức thu phí trong hồ sơ, VPCC và công chứng viên **Phan Văn C** xác định thu nguyên một gói chi phí là 1.000.000 đồng bao gồm phí công chứng, đánh máy văn bản, phô tô hồ sơ ... không bóc tách từng loại chi phí. Mức thu này vượt quá mức thu mà VPCC **Phan Văn C** được phép thu là 87.000 đồng (theo phân tích tại điểm 2.4 nêu trên).

Hóa đơn bán hàng số 00002842 ngày 01/8/2023 thể hiện: mức phí công chứng mà VPCC thu là 20.000 đồng. Như vậy, đối với số tiền còn lại 980.000 đồng được xem là mức thu thù lao công chứng, VPCC thu vượt quá số tiền là 913.000 đồng (thu đúng là 67.000 đồng). Do vậy, việc Chánh Thanh tra Sở Tư pháp xác định VPCC có hành vi thu sai mức trần thù lao công chứng theo quy định của Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 đối với VPCC **Phan Văn C** về hành vi: “Thu thù lao công chứng cao hơn mức trần do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã là có cơ sở, đúng quy định.

* Người bị kiện Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng trình bày:

+ Về khiếu nại của ông **Phan Văn C**:

Ngày 11/12/2023, Sở Tư pháp nhận được Đơn khiếu nại lần hai ghi ngày 08/12/2023 của ông **Phan Văn C** - công chứng viên, Trưởng VPCC **Phan Văn C**, có nội dung: Khiếu nại lần hai đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, nhận Quyết định ngày 14/9/2023.

Tại đơn khiếu nại, ông **Phan Văn C** khiếu nại lần hai về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp:

Về điều kiện thụ lý giải quyết khiếu nại: Đơn của ông **Phan Văn C** được gửi đến Sở Tư pháp qua bưu điện ngày 11/12/2023; hình thức đơn bằng văn bản; đơn đầy đủ chữ ký của người khiếu nại, đáp ứng hình thức đơn khiếu nại theo quy định tại Điều 8 Luật Khiếu nại; mẫu Đơn khiếu nại được ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại và Điều 6 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Khiếu nại không thuộc các trường hợp không được thụ lý giải quyết theo Điều 11 Luật Khiếu nại.

Nội dung khiếu nại: Ông **Phan Văn C** khiếu nại lần hai đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp.

Từ nội dung trên, Sở Tư pháp nhận thấy khiếu nại của ông **Phan Văn C** đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC đảm bảo các yêu cầu về hình thức khiếu nại; không thuộc các trường hợp không được thụ lý giải quyết theo Điều 11 Luật Khiếu nại; nội dung khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Giám đốc Sở Tư pháp. Do đó, ngày 22/12/2023, Giám đốc Sở Tư pháp đã tiến hành thụ lý giải quyết đơn khiếu nại; Thông báo thụ lý khiếu nại gửi ông **Phan Văn C** (Thông báo số 5854/TB-STP ngày 22/12/2023) theo đúng quy định của Luật Khiếu nại, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Kết quả giải quyết khiếu nại của người đã giải quyết khiếu nại lần đầu:

Theo Quyết định số 28/QĐ-TTR ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phan Văn C**, Trưởng **VPCC Phan Văn Chương thành phố Đ** (lần đầu), Chánh Thanh tra Sở Tư pháp quyết định:

Giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp đối với VPCC Phan Văn Chương, thành phố Đà Nẵng.

Yêu cầu ông **Phan Văn C**, Trưởng VPCC **Phan Văn C** chấp hành nghiêm Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp.

+ Căn cứ đề ban hành quyết định số 15/qđ-stp ngày 05/02/2024 của giám đốc sở tư pháp:

Việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp:

Nội dung vụ việc: như trình bày của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp.

Do vậy, việc Chánh Thanh tra Sở Tư pháp xác định VPCC có hành vi thu sai mức trần thù lao công chứng theo quy định của Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với VPCC **Phan Văn C** về hành vi: “Thu thù lao công chứng cao hơn mức trần do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã là có cơ sở, đúng quy định.

Quy trình, thủ tục tiến hành xử phạt vi phạm hành chính từ lúc phát hiện hành vi vi phạm, lập Biên bản vi phạm hành chính đến khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đều đảm bảo quy định theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP.

+ Việc ban hành Quyết định số 28/QĐ-TTR về việc giải quyết khiếu nại lần đầu:

Ngày 08/11/2023, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 28/QĐ-TTR về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phan Văn C**, Trưởng **Văn phòng công chứng Phan Văn Chương thành phố C1**. Tại Quyết định số 28/QĐ-TTR,

Chánh Thanh tra Sở Tư pháp đã kết luận khiếu nại của ông **Phan Văn C** đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC là không có cơ sở, đồng thời quyết định giữ nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp đối với **Văn phòng công chứng Phan Văn Chương thành phố C1** là đúng quy định pháp luật.

Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-STP ngày 05/02/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phan Văn C**, Trưởng **VPCC Phan Văn Chương thành phố Đ** (lần hai), theo đó, giữ nguyên Quyết định số 28/QĐ-TTR ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phan Văn C**, Trưởng **Văn phòng công chứng Phan Văn Chương thành phố C1** (lần đầu). Khiếu nại lần hai của ông **Phan Văn C** đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Văn phòng C1**, thành phố Đà Nẵng đối với các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 08/9/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;

+ Hủy Quyết định số 15/QĐ-STP ngày 05/2/2024 của Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phan Văn C**, Trưởng **Văn phòng công chứng Phan Văn Chương thành phố C1** (lần 2);

+ Hủy Quyết định số 28/QĐ-TTR ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp về việc giải quyết khiếu nại của ông **Phan Văn C**, Trưởng **văn phòng C1**, thành phố Đà Nẵng (lần đầu).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/01/2025, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện **Văn phòng C1**, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng tình bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người kháng cáo: giữ nguyên kháng cáo, và các tài liệu ông **C** cung cấp tài liệu sao kê tài khoản của VPCC không có thu 1.000.000 đồng; ông có quyền tư vấn giải thích ngoài chức năng việc công chứng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa: việc tuân theo pháp luật tại giai đoạn phúc thẩm đảm bảo quy định tố tụng; về nội dung: đề nghị HĐXX bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng Hành chính.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đúng đối tượng, thẩm quyền, còn thời hiệu quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 01/8/2023, bà **K Hoàng Thị Thanh T** đến **Văn phòng C1 (VPCC)** để thực hiện thủ tục từ chối nhận di sản thừa kế liên quan đến 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông **Khuất Văn M**. VPCC có thực hiện các dịch vụ: soạn thảo văn bản từ chối nhận di sản thừa kế; công chứng văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, photo các giấy tờ kèm theo. Công chứng viên trực tiếp làm việc với bà là ông **Phan Văn C**. Sau khi hoàn thành thủ tục, công chứng viên **Phan Văn C** thông báo số tiền phải nộp là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và giải thích 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mỗi giấy là 500.000 đồng. Bà **T** đã chuyển khoản vào số tài khoản của ông **Phan Văn C**, số tiền chuyển khoản là 1.000.000 đồng, sau đó VPCC đưa cho bà **T** 01 Phiếu thu ghi lý do thu: “Văn bản từ chối nhận di sản”, “số tiền: 1.000.000 đồng”.

[2.2] Ngày 03/8/2023, bà **T** có đơn khiếu nại đến Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng, khiếu nại VPCC đã thu phí công chứng sai quy định (đơn có kèm theo phiếu thu). Sau khi tiếp nhận đơn, Sở Tư pháp đã tiến hành xác minh, làm rõ thông tin phản ánh. Ngày 31/8/2023, đại diện Phòng Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB- VPHC đối với VPCC **Phan Văn C** về hành vi “Thu thù lao công chứng cao hơn mức trần do UBND cấp tỉnh ban hành” và chuyển hồ sơ đến Chánh Thanh tra Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng để xem xét, quyết định việc xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 08/9/2023, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 07/QĐ- XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với VPCC **Phan Văn C** (Quyết định XPVPHC số 07).

[2.3] Ông **Phan Văn C** cho rằng VPCC thu chi phí tư vấn trên tương tự như chi phí tư vấn pháp luật của luật sư là không đúng quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của Công chứng viên hành nghề. Theo quy định tại các Điều 17, 40 Luật Công chứng, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thì Công chứng viên có nghĩa vụ giải thích, hướng dẫn cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc công chứng các văn bản, hợp đồng, giao dịch....

[2.4] Xét, Quyết định XPVPHC số 07: bà **T** yêu cầu công chứng Văn bản từ chối nhận di sản, bà **T** không đề nghị công chứng viên xác minh, giám định hoặc công chứng ngoài trụ sở nên theo quy định tại Điều 32, Điều 66 Luật Công chứng quy định VPCC chỉ thu 02 khoản gồm: phí công chứng và thù lao công chứng, không có thu khoản chi phí khác. Đối với hồ sơ bà **T** thì tổng các khoản thu theo quy định là 87.000 đồng, trong đó gồm 20.000 đồng phí công chứng và 67.000 đồng phí thù lao công chứng. Việc VPCC đã thu của bà **T** 1.000.000 đồng là vượt quá số tiền 913.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng **Bộ T2** quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng và Quyết định 22/2015/QĐ-UBND của UBND thành phố ban hành mức trần thù lao công chứng, chi phí khác trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Với hành vi của VPCC thu thù lao công chứng cao hơn mức trần do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành nên Chánh Thanh tra của Sở Tư pháp TP Đà Nẵng ban hành Quyết định XPVPHC số 07 đối với VPCC **Phan Văn C** theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP với mức phạt 8.500.000 đ là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2.5] Không đồng ý, ông **Phan Văn C**, Trưởng **Văn phòng C2** Quyết định XPVPHC số 07. Sau khi thụ lý giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại, thì ngày 08/11/2023, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp ban hành Quyết định số 28/QĐ-TTR về việc giải quyết khiếu nại lần đầu (Quyết định số 28), giữ nguyên Quyết định XPVPHC số 07. Ông **C** đại diện VPCC tiếp tục khiếu nại lần hai, Giám đốc Sở Tư pháp thụ lý, giải quyết theo quy định, ngày 05/02/2024, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 15/QĐ-STP (Quyết định số 15), với nội dung: giữ nguyên Quyết định số 28 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp. Xét, như phân tích tại mục [2.4] thì Quyết định XPVPHC số 07 ban hành có căn cứ, đúng thẩm quyền, theo đó, Chánh thanh tra Sở Tư pháp ban hành Quyết định số 28 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên Quyết định XPVPHC số 07; Giám đốc Sở Tư pháp ban hành Quyết định số 15, giữ nguyên Quyết định số 28 là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo cung cấp tài liệu là bản sao kê tài khoản của VPCC (P) không thể hiện thu 1 triệu đồng, như phân tích tại các mục [2] thì tài liệu chứng cứ nào này không làm thay đổi bản chất vụ việc nên HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên người khởi kiện phải chịu án phí theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện **Văn phòng C1**. Giữ nguyên Quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 94/2024/HC-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính”.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 3892 ngày 15/01/2025 của Cục thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đà Nẵng;
- Cục THADS Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Dung